

Bản án số: 111/2026/HS-ST

Ngày: 26/5/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Hiền và ông Nguyễn Văn Hiền.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 -Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2026/TLST- HS ngày 29 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Cao N**, sinh ngày 06/3/1978; nơi cư trú: **thôn C, xã Đ, tỉnh Hưng Yên**; căn cước công dân số 034078007244; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố: **Nguyễn Cao R** (Đã chết); mẹ: **Phạm Thị K**; vợ: **Lê Thị T**, có 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, *triệu tập có mặt tại phiên tòa*.

* Bị hại: Bà **Vũ Thị H**, sinh năm 1979, nơi cư trú: **thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên** (*đã chết*).

* Đại diện theo pháp luật của bị hại: Anh **Vũ Đình T1**, sinh năm 1979, nơi cư trú: **Thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên**; là con trai bà **H** (*có mặt*).

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu **Vũ Thị T2**, sinh năm 2018; nơi cư trú: **Thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên**; là con gái bà **H** (*vắng mặt*).

Đại diện theo pháp luật của cháu **Vũ Thị T2**: Anh **Vũ Đình T1**.

* Người làm chứng:

+ Ông **Lê Văn L**, sinh năm 1962, trú tại **thôn C, xã Đ, tỉnh Hưng Yên** (*có mặt*);

+ Ông **Bùi Sỹ N1**, sinh năm 1961, trú tại **thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên** (*có mặt*);

+ Ông **Nguyễn Sỹ T3**, sinh năm 1966, trú tại **thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên** (có mặt);

+ Ông **Vũ Văn D**, sinh năm 1969, trú tại **thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào khoảng tháng 06/2025, ông **Bùi Sỹ N1**, sinh năm 1961, trú tại **thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên** hợp đồng với **Nguyễn Cao N** sinh năm 1978, trú tại **thôn C, xã Đ** là chủ thầu xây dựng thi công nhà ở cho gia đình ông tại **thôn T, xã Đ**, hai bên giao kết hợp đồng với nhau bằng miệng. Quá trình thi công, **N** thuê tổ thợ là những người quen, cùng xã, gồm: ông **Lê Văn Lâm S** năm 1962, trú tại **thôn C**; bà **Vũ Thị H** sinh năm 1979, trú tại **thôn T** làm phụ hồ; ông **Nguyễn Sỹ T3** sinh năm 1966 và ông **Vũ Đăng D1** sinh năm 1969 cùng trú tại **thôn T** là thợ xây để xây dựng công trình trên. Hợp đồng lao động giao kết giữa các bên bằng miệng, tiền công lao động được trả theo ngày lao động thực tế. Trong thời gian thi công công trình, ông **N** không trang bị các trang thiết bị, phương tiện bảo hộ lao động, không tham gia các lớp tập huấn về an toàn lao động theo quy định của Luật an toàn, vệ sinh lao động, Thông tư 16/2021/TT-BXD ngày 20/12/2021 của Bộ trưởng **Bộ X** ban hành QCVN 18:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng.

Ngày 15/11/2025, công trình xây dựng đã hoàn thiện xong phần thô đang trát tường và hoàn thiện công trình phụ.

Trên bề mặt mái tầng hai, phía bên tay phải theo chiều nhìn từ ngoài vào, phần lan can được xây dựng tính từ mặt mái tầng hai lên đến đỉnh có độ cao 90 cm, phần tường ngôi nhà bên phải tính từ mặt đất đến đỉnh của lan can mái tầng hai đã trát vữa xong và hoàn thành vào buổi sáng cùng ngày. Phần lan can phía bên tay trái của mặt mái tầng hai chưa xây kín mà để một đoạn có độ dài 4,5 m để vận chuyển nguyên vật liệu lên mặt mái tầng hai. Để có được nguyên vật liệu đưa lên mái tầng hai, phải sử dụng bộ tời ròng rọc được làm thủ công. Vị trí bộ tời ròng rọc được lắp đặt tại mặt mái tầng hai, đặt ở bên phía tay trái nhìn từ ngoài đường vào trong nhà giáp với khu đất trống của nhà anh **Nguyễn Cao K1**, ngay gần giáp vị trí góc mái phía ngoài cách mép tường của mặt mái khoảng 15 cm, phần chưa xây dựng lan can để tời vật liệu từ mặt đất lên, tính từ vị trí mặt đất nơi tập kết vật liệu đến phần mặt mái tầng 02 có độ cao 6,3 m; phía dưới không có lưới bảo vệ hoặc các thiết bị bảo hộ khác cho người lao động. **Bộ R1** có hai chân là thanh kim loại được mở tạo thành hình chữ A; đoạn dây kim loại phi 6 dài khoảng 07 m, một đầu được buộc ở phần giữa đỉnh ốc cố định hai đầu thanh kim loại, đầu còn lại được buộc vào đầu dây kim loại phi 6 được cố định trong dầm bê tông mái tầng hai để giữ cố định chân chống ròng rọc; còn đoạn dây kim loại, một đầu được buộc ở phần giữa đỉnh ốc cố định hai đầu thanh kim loại, đầu còn lại được cố định trên hàng rào thép nhà anh **Nguyễn Cao K1** dài khoảng 15 m để giữ chân chống không bị đổ. Tại phần giữa đỉnh ốc còn buộc đoạn dây thép phi 6 móc thiết bị

ròng rọc màu đỏ ròng xuống để tời vật liệu xây dựng.

Buổi chiều cùng ngày, Nguyễn Cao N không có mặt tại địa điểm thi công để giám sát công trình, nhóm thợ thi công thực hiện các công việc đã được N giao trước đó. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, ông L, ông D1 và ông T3 có mặt tại nơi thi công. Thời điểm này, bà H chưa đến. Cả 03 người uống nước tại đó khoảng 15 phút và tự phân công nhau làm. Trong đó, ông T3 tháo phần dây tời được gắn liền vào dầm bê tông mái tầng hai ở bên phải công trình theo hướng nhìn từ ngoài vào phía trong; ông L và ông D1 dọn dây tời ở dưới mặt đất, khu vực giáp với thửa đất trống liền kề ở bên trái theo chiều nhìn từ ngoài đường trục thôn vào trong nhà, tháo dây cáp tời được buộc vào các thanh kim loại lan can tầng một của nhà anh Nguyễn Cao K1, ngôi nhà tiếp giáp với thửa đất trống để di chuyển tời đến vị trí khác. Lúc này, bà H vẫn chưa đến, những người có mặt thực hiện công việc theo sự phân công; ông T3 trèo lên mái tầng hai, rồi xuống phân giàn giáo bắc phía bên phải tường và dùng máy cắt sợi dây được móc vào phần dầm của mặt mái, vị trí ông T3 đứng, chiều cao tính từ mặt giàn giáo đến đỉnh lan can tầng hai cao 1,6 m, ông T3 cao 1,56 m nên không thể quan sát được bề mặt mái tầng hai. Mọi người đều không biết bà H đến làm từ thời điểm nào. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, khi ông L và ông D1 đang tháo phần đầu dây cáp được buộc giăng vào thanh kim loại ở vị trí hàng rào bảo vệ tầng một của nhà anh K1, mặt quay về phía nhà anh K1, lưng quay về phía công trình nhà ông N1, cả hai người nghe thấy tiếng "Bịch", giật mình quay lại thì thấy bộ tời và bà H đã rơi xuống mặt đất khu vực thửa đất trống, bà H ngất xỉu, ông D1 sơ cứu cho bà H, khoảng 10 phút sau bà H tỉnh lại và nói được. Sau đó, ông D1 mới đi tìm ông N, còn ông L đi sang phía ông T3 đang làm để gọi ông T3, lúc này ông T3 mới biết việc bà H bị ngã. Bà H được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ, sau đó chuyển lên Bệnh viện H1 điều trị đến ngày 17/11/2025 tử vong tại nhà.

Tại Biên bản khám nghiệm tử thi và Kết luận giám định tử thi số 1729/KLGĐTT-KTHS ngày 10/12/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh H kết luận về nguyên nhân chết của bị hại: Nạn nhân Vũ Thị H sinh năm 1979, trú tại thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên chết do đa chấn thương.

Bản cáo trạng số 61/CT-VKSTT ngày 29/4/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Cao N về tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và diễn biến sự việc như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Cao N phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động” và đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Cao N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù

nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm. Về trách nhiệm dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện bị hại về việc bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 66.000.000 đồng; đại diện bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì đối với đại diện Viện kiểm sát và nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh H**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Cao N** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại, lời khai của người làm chứng: ông **Vũ Đăng D1**, ông **Lê Văn L**, ông **Nguyễn Sỹ T3**, ông **Bùi Sỹ N1**. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ như: Sơ đồ hiện trường vụ tai nạn lao động xảy ra ngày 15/11/2025; biên bản xác định hiện trường ngày 17/11/2025; bản ảnh hiện trường; Biên bản khám nghiệm tử thi và Kết luận giám định tử thi số 1729/KLGĐTT-KTHS ngày 10/12/2025 của **Phòng K2**, **Công an tỉnh H**; cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 15/11/2025, tại công trình đang xây dựng là nhà ở của ông **Bùi Sỹ N1** do **Nguyễn Cao N** nhận xây dựng công trình, **Nguyễn Cao N** đã thuê một số nhân công nhân nhưng không tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các quy định, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn lao động; khi người lao động làm việc ở độ cao trên 02 mét, không trang bị đầy đủ phương tiện, công cụ bảo hộ cho người lao động như lắp đặt và duy trì lưới hoặc sàn đỡ an toàn; dây an toàn và dây cứu sinh. Bà **Vũ Thị H** là thợ phụ hồ đã bị ngã từ mặt mái tầng hai với độ cao 6,3 mét xuống mặt đất khi đang làm việc tại công trình, hậu quả bà **H** bị đa chấn thương và tử vong.

Hành vi của bị cáo **Nguyễn Cao N** đã phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự như Viện

kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

+ Tại mục 7 Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động ban hành theo Thông tư số 06/2020/TT- BLĐTBXH ngày 20/8/2020 của Bộ trưởng **Bộ L1**:

...

7. Làm việc trên cao cách mặt bằng làm việc từ 2 mét trở lên, trên sàn công tác di động, nơi cheo leo nguy hiểm.

+ Điểm b khoản 2 Điều 7; khoản 6 Điều 12; khoản 3 Điều 14; khoản 3 Điều 16 Luật an toàn, vệ sinh lao động năm 2015:

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động

...

2. Người sử dụng lao động có nghĩa vụ sau đây:

...

b) Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các quy định, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; trang bị đầy đủ phương tiện, công cụ lao động bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; thực hiện việc chăm sóc sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; thực hiện đầy đủ chế độ đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động;

Điều 12. Các hành vi bị nghiêm cấm:

...

6. Sử dụng lao động hoặc làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động khi chưa được huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động.

...

Điều 14. Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

...

3. Người làm việc không theo hợp đồng lao động phải được huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động khi công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động và được cấp thẻ an toàn.

...

Điều 16. Trách nhiệm của người sử dụng lao động

...

*3. **T2** cấp đầy đủ cho người lao động các phương tiện bảo vệ cá nhân khi thực hiện công việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại; trang bị các thiết bị an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.*

...

+ Mục 2.1.5 ngăn ngừa người bị rơi, ngã Mục 2 quy định kỹ thuật của Thông tư 16/2021/TT-BXD ngày 20/12/2021 của Bộ trưởng Bộ X ban hành QCVN 18:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng.

...

2.1.5. Ngăn ngừa người bị rơi, ngã

2.1.5.1 Phải lắp đặt lan can an toàn và tẩm chặn chân ngăn ngừa người bị rơi, ngã khi làm việc ở độ cao từ 2,0 m trở lên (so với mặt đất, mặt sàn), trên mái nhà, mặt dốc, mái dốc hoặc ngã xuống hố, lỗ.

2.1.5.2 Trong trường hợp không thể lắp đặt lan can an toàn, phải thực hiện một trong các biện pháp sau:

a) Lắp đặt và duy trì lưới hoặc sàn đỡ an toàn;

b) Người lao động phải sử dụng dây an toàn và dây cứu sinh.

Điều 295. Tội vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người

1. Người nào vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) **Làm chết người;**

...

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, hậu quả thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách của Nhà nước về an toàn lao động, đó là những quy định nhằm bảo vệ tính mạng, an toàn cho người lao động và mọi công dân.

Nguyễn Cao N là người sử dụng lao động, nhận thức được bản thân có trách nhiệm đảm bảo an toàn lao động, tuy nhiên bị cáo đã không thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho người lao động khi làm việc tại công trình, không tiến hành huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động; làm việc ở độ cao trên 02 mét nhưng bị cáo không trang bị phương tiện, công cụ bảo đảm an toàn lao động, các phương tiện bảo vệ chống rơi, ngã tại nơi làm việc cho người lao động dẫn đến tai nạn làm bà **Vũ Thị H** bị ngã từ trên cao xuống đất và tử vong trong quá trình lao động.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi tai nạn xảy ra bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại, đại diện theo pháp

luật của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra, bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 66.000.000 đồng. Đại diện bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm, cần chấp nhận sự tự nguyện của đương sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện theo pháp luật của bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Cao N** phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”.

2. **Hình phạt:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Cao N** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (tháng), tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/5/2026.

Giao bị cáo **Nguyễn Cao N** cho **Ủy ban nhân dân xã Đ**, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. **Về trách nhiệm dân sự:** Không đặt ra giải quyết.

4. **Về án phí:** Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo **Nguyễn Cao N2** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. **Quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo **Nguyễn Cao N**, đại diện theo pháp luật của bị hại và đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **Vũ Đình T1** có

mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 26/5/2026.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đại diện bị hại;
- VKSND khu vực 7 - Hưng Yên;
- TAND - VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 7 - Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Đông Thụy Anh;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Huệ